

Bộ giáo dục và đào tạo

**Giáo trình
Lịch sử
Đảng cộng sản
Việt Nam**

(Dùng trong các trường đại học, cao đẳng)

(Tái bản lần thứ hai có sửa chữa và bổ sung)

Đồng chủ biên
PGS, NGND. Lê Mậu Hãn - PGS, TS. Trình Mưu
GS, TS. Mạch Quang Thắng

Tập thể tác giả:
PGS, NGND. Lê Mậu Hãn
PGS. TS. Vũ Quang Hiến
TS. Lê Văn Thai
TS. Ngô Quang Định
TS. Phạm Xuân Mỹ
PGS, TS. Trình Mưu
GS, TS. Mạch Quang Thắng
PGS, TS. Ngô Đăng Tri
TS. Đinh Xuân Lý

Bài mở đầu

Nhập môn lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

1. Đối tượng nghiên cứu

Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, là đội tiên phong cách mạng, bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã vượt qua mọi khó khăn gian khổ và hy sinh, giành nhiều thắng lợi có ý nghĩa chiến lược và mang tính thời đại, làm cho đất nước, xã hội và con người Việt Nam ngày càng đổi mới sâu sắc. Lịch sử của Đảng là một pho lịch sử bằng vàng. Hồ Chí Minh nói: "Với tất cả tinh thần khiêm tốn của người cách mạng, chúng ta vẫn có quyền nói rằng: *Đảng ta thật là vĩ đại!*"¹.

Để không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và phát huy truyền thống vẻ vang của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam rất coi trọng công tác nghiên cứu lịch sử Đảng và tổng kết những bài học lịch sử trong từng thời kỳ cũng như trong toàn bộ tiến trình lãnh đạo cách mạng của Đảng.

Nghiên cứu và tổng kết các bài học lịch sử của Đảng là một phương pháp tốt để nâng cao trình độ lý luận của cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, góp phần khắc phục những xu hướng giáo điều và kinh nghiệm chủ nghĩa trong Đảng. Trên cơ sở nghiên cứu và khái quát sâu sắc, toàn diện kinh nghiệm lịch sử đã tích lũy được trong cuộc đấu tranh cách mạng của Đảng, nếu không hiểu được mối liên hệ lịch sử tất yếu và qua đó hiểu tiến trình phát triển có thể có của các sự kiện, Đảng mới có thể đề ra được một đường lối chính trị hoàn chỉnh.

Đảng Cộng sản Việt Nam là một tổ chức chính trị có quy luật hình thành, phát triển vai trò lịch sử riêng trong tiến trình lịch sử Việt Nam. Do đó, lịch sử Đảng là đối tượng nghiên cứu của một khoa học riêng - khoa học lịch sử Đảng.

Lịch sử Đảng gắn liền với lịch sử dân tộc. Theo đó, lịch sử Đảng là một khoa học chuyên ngành của khoa học lịch sử và có quan hệ mật thiết với các khoa học về lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Mỗi ngành khoa học có một phạm vi nghiên cứu cụ thể trong mối quan hệ biện chứng với các khoa học khác. Khoa học lịch sử nghiên cứu về xã hội và con người xã hội, nghiên cứu về cuộc sống đã qua của nhân loại một cách toàn diện trong sự vận động, phát triển, với những quy luật phổ biến và đặc thù của nó. Lịch sử Việt Nam từ năm 1930 là lịch sử đấu tranh cách mạng kiên cường và anh dũng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhằm xóa bỏ chế độ thuộc địa của chủ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.10, tr. 2.

nghĩa thực dân cũ và mới, xây dựng chế độ mới. Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của nhân dân ta. Do đó, lịch sử Việt Nam (từ năm 1930 trở đi) và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó hữu cơ với nhau.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Đảng là người đề ra đường lối cách mạng và tổ chức lãnh đạo nhân dân thực hiện đường lối. Do đó, khoa học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một hệ thống tri thức về quá trình hoạt động đa dạng và phong phú của Đảng trong mối quan hệ mật thiết với tiến trình lịch sử của dân tộc và thời đại. Với tư cách là một khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có *đối tượng nghiên cứu là tổ chức và hoạt động của Đảng và các phong trào cách mạng của quần chúng diễn ra dưới sự lãnh đạo của Đảng*.

2. Mục đích, yêu cầu, chức năng, nhiệm vụ

- *Mục đích, yêu cầu:*

Liên quan đến đối tượng nghiên cứu, mục đích của khoa học lịch sử Đảng là làm sáng tỏ toàn bộ quá trình hình thành, phát triển của tổ chức đảng và những hoạt động toàn diện của Đảng; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam; làm rõ những vấn đề có tính quy luật của cách mạng Việt Nam; góp phần tổng kết những kinh nghiệm lịch sử phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc; đồng thời giáo dục niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường cách mạng Hồ Chí Minh.

Yêu cầu của việc nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy lịch sử Đảng là trình bày khách quan, toàn diện và có hệ thống các sự kiện cơ bản về lịch sử Đảng qua từng giai đoạn và thời kỳ cách mạng trong sự vận động, phát triển và những mối liên hệ nội tại của nó. Trên cơ sở đó so sánh với yêu cầu thực tiễn để phân tích, đánh giá các hoạt động của Đảng; khẳng định những thắng lợi, thành tựu và những sai lầm, khuyết điểm trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; khái quát được các sự kiện và biến cố lịch sử, vạch ra bản chất, khuynh hướng chung và những quy luật khách quan chi phối sự vận động của lịch sử.

Yêu cầu quan trọng trong việc nghiên cứu, biên soạn giáo trình và giảng dạy lịch sử Đảng là phải căn cứ vào các nguồn sử liệu của Đảng, nhất là *Văn kiện Đảng Toàn tập* và *Hồ Chí Minh Toàn tập*. Bởi vì "Với bộ *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tất cả những người cần nghiên cứu và sử dụng văn kiện Đảng đều có thể dễ dàng tìm thấy những tài liệu chính thức và xác thực". "Việc xuất bản *Văn kiện Đảng Toàn tập* nhằm cung cấp những tư liệu lịch sử xác thực, có hệ thống cho công tác nghiên cứu lý luận, nghiên cứu và biên soạn lịch sử Đảng". "Công bố các văn kiện Đảng cũng là để cung cấp một nguồn tư liệu chứa đựng những thông tin chân thực, chống lại những luận điệu xuyên tạc, làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ hơn hoạt động của Đảng và phong trào cách mạng của nhân dân, đồng thời cũng giới thiệu với bạn bè quốc tế về lịch sử vẻ vang và những bài học kinh nghiệm của Đảng ta"¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.1, tr. VI-VII.

Giảng dạy và học tập môn lịch sử Đảng phải chú ý sử dụng phương pháp tích hợp, sử dụng những kiến thức đã biết từ các môn học khác. Phương pháp giảng dạy và học tập ở bậc đại học cần không ngừng phát huy tính chủ đạo của giảng viên và tính chủ động của sinh viên. Điều đáng chú ý là sinh viên có khả năng tự nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên, có yêu cầu kiểm tra tính đúng đắn của các thông tin và khả năng cung cấp cho nhau các tri thức trong quá trình học tập. Trong sự nghiệp đổi mới, việc giảng dạy và học tập môn Lịch sử Đảng cần đổi mới mạnh mẽ về phương pháp để đáp ứng yêu cầu đào tạo.

- Chức năng, nhiệm vụ

Với tư cách là khoa học về những quy luật phát triển và hoạt động lãnh đạo của Đảng, lịch sử Đảng có hai chức năng: chức năng nhận thức khoa học và chức năng giáo dục tư tưởng chính trị.

Chức năng nhận thức khoa học lịch sử có mục đích trước hết là để phục vụ việc cải tạo xã hội theo đúng quy luật phát triển của xã hội Việt Nam như một quá trình lịch sử - tự nhiên. Việc hiểu biết thấu đáo những kiến thức và kinh nghiệm lịch sử Đảng là cơ sở khoa học để có thể dự kiến những xu hướng phát triển chủ yếu của xã hội và những điều kiện lịch sử cụ thể có tác động đến những xu hướng đó. Bằng cách đó, khoa học lịch sử Đảng cùng với các môn khoa học lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực tạo cơ sở lý luận để Đảng vạch ra đường lối, chủ trương, chính sách.

Mặt khác, lịch sử Đảng có chức năng giáo dục tư tưởng chính trị, tham gia vào việc giải quyết những nhiệm vụ hiện tại. Những kiến thức khoa học về các quy luật khách quan của sự phát triển lịch sử cách mạng Việt Nam có tác dụng quan trọng đối với cán bộ, đảng viên, nhân dân trong việc trau dồi thế giới quan, phương pháp luận khoa học, xây dựng niềm tin vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ đó có quyết tâm phấn đấu thực hiện đường lối, chủ trương chính sách của Đảng.

Để thực hiện chức năng đó, trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy và học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam chúng ta có nhiệm vụ làm rõ những quy luật của cách mạng Việt Nam, nghiên cứu, trình bày các điều kiện lịch sử, các sự kiện và quá trình hình thành, phát triển và hoạt động của Đảng, nổi bật là những nhiệm vụ sau đây:

+ Làm sáng tỏ điều kiện lịch sử, quá trình ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam - bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam.

Trong thời gian đầu không phải là toàn bộ giai cấp công nhân đã tiếp thu được chủ nghĩa Mác - Lênin, mà chỉ có một bộ phận tiên tiến nhất tiếp thu được lý luận đó. Bộ phận này đứng ra thành lập đảng cộng sản, do vậy đảng cộng sản là một bộ phận của giai cấp công nhân và giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lãnh đạo cách mạng thông qua đảng cộng sản là đội tiên phong của mình.

Sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân là quy luật chung cho sự ra đời của các đảng cộng sản trên thế giới. Nhưng sự kết hợp đó không theo một

khuôn mẫu giáo điều, cứng nhắc, mà nó được thực hiện bằng con đường riêng biệt, tùy theo điều kiện cụ thể về không gian và thời gian.

Yêu cầu của cách mạng thuộc địa khác với yêu cầu của cách mạng ở các nước tư bản chủ nghĩa. Đảng cộng sản ở các nước tư bản chủ nghĩa phải lãnh đạo cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản, còn đảng cộng sản ở thuộc địa trước hết phải lãnh đạo cuộc đấu tranh dân tộc chống chủ nghĩa thực dân. Vấn đề giai cấp ở thuộc địa phải đặt trong vấn đề dân tộc, đòi hỏi sự vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận Mác - Lênin về đảng cộng sản trong điều kiện một nước thuộc địa.

+ Làm rõ quá trình trưởng thành, phát triển của Đảng gắn liền với hoạt động xây dựng một chính đảng cách mạng theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Khoa học xây dựng Đảng có nhiệm vụ nghiên cứu những quy luật xây dựng đảng, xác định những nguyên tắc, mục đích, yêu cầu; những nguyên lý và hệ thống các biện pháp phải tuân theo để xây dựng một chính đảng cách mạng về chính trị, tư tưởng và tổ chức; hình thành nên lý luận về xây dựng đảng.

Lịch sử Đảng có nhiệm vụ làm rõ những hoạt động cụ thể của Đảng để xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong từng thời kỳ cách mạng. Đó là sự thực hiện các nguyên lý, vận dụng những nguyên tắc, tiến hành các biện pháp để làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, đủ sức lãnh đạo cách mạng. Đương nhiên giữa hai ngành khoa học đó có mối quan hệ mật thiết với nhau.

+ Trình bày quá trình hoạt động lãnh đạo cách mạng của Đảng qua các thời kỳ, các giai đoạn cách mạng trong những bối cảnh lịch sử cụ thể.

Đó là quá trình đi sâu nắm vững phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với bối cảnh quốc tế và thực tiễn của xã hội Việt Nam, để định ra cương lĩnh, vạch ra đường lối, xác định những chủ trương và biện pháp cụ thể cho mỗi giai đoạn cách mạng.

Đó là quá trình đấu tranh về quan điểm tư tưởng trong nội bộ Đảng để xác định một đường lối đúng đắn, đấu tranh bảo vệ đường lối cách mạng của Đảng, chống mọi biểu hiện của tư tưởng hữu khuynh và "tả" khuynh, chống mọi ảnh hưởng của tư tưởng duy ý chí, chủ quan, giáo điều và các loại tư tưởng phi vô sản khác.

Đó cũng là quá trình chỉ đạo và tổ chức quần chúng hành động thực tiễn, giành thắng lợi từng bước tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn, thực hiện triệt để các mục tiêu cơ bản của cách mạng Việt Nam do Đảng vạch ra.

+ Trình bày các phong trào cách mạng của quần chúng do Đảng tổ chức và lãnh đạo.

Nhằm theo những phương hướng cơ bản do Đảng xác định, phong trào cách mạng của quần chúng diễn ra một cách tự giác, hết sức sinh động, phong phú và sáng tạo. Sức sáng tạo của các tổ chức đảng và quần chúng rất lớn. Nó làm cho quyết tâm của Đảng trở thành hành động cách mạng, làm cho đường lối, chủ trương cách mạng của Đảng trở

thành thực tiễn, và do đó, tạo cơ sở cho việc bổ sung, phát triển và hoàn chỉnh đường lối cách mạng của Đảng. Một đường lối cách mạng đúng sẽ được quần chúng nhân dân ủng hộ và quyết tâm thực hiện.

+ Tổng kết những kinh nghiệm lịch sử Đảng

Khoa học lịch sử Đảng có nhiệm vụ góp phần tổng kết những kinh nghiệm từ những thành công và không thành công của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng, góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của Đảng.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu gắn liền với đối tượng nghiên cứu. Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Đường lối chính trị, hoạt động của Đảng là sự biểu hiện cụ thể lý luận đó trong hoàn cảnh Việt Nam với tất cả đặc điểm vốn có của nó. Do đó, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với khoa học lịch sử nói chung và khoa học lịch sử Đảng nói riêng. Đó là những cơ sở phương pháp luận khoa học để nghiên cứu lịch sử Đảng.

Đảng Cộng sản Việt Nam nhờ có hoạt động lý luận dựa vào chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, đã đi đến nhận thức được những điều kiện khách quan và sự chín muồi của những nhân tố chủ quan của sự phát triển xã hội thông qua hệ thống công tác tổ chức và tư tưởng của Đảng đối với quần chúng.

Do đó, đối với khoa học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, quan niệm duy vật về lịch sử là chìa khóa để lý giải sự xuất hiện và phát triển của Đảng như là một kết quả tất yếu của lịch sử đấu tranh của nhân dân Việt Nam. Chỉ có đứng trên quan điểm lịch sử mới có thể đánh giá được một cách khoa học các giai đoạn phát triển của Đảng, trên cơ sở làm sáng tỏ địa vị khách quan và vai trò lịch sử của Đảng trong đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, cũng như mới lý giải được rằng lý tưởng cách mạng và những mục tiêu cao cả xuất phát từ lý tưởng đó, mà Đảng đã kiên trì theo đuổi từ ngày mới ra đời không phải là do ý muốn chủ quan của một cá nhân hoặc của một nhóm người tài ba lỗi lạc nào, cũng không phải do "nhập cảng" từ bên ngoài vào, mà xét cho cùng là sự phản ánh khách quan của sự phát triển lịch sử - tự nhiên trong những điều kiện lịch sử nhất định.

Với phương pháp luận khoa học, các nhà sử học chân chính có thể nhận thức được lịch sử một cách chính xác, khoa học. Họ có thể nhận thức và phản ánh đúng hiện thực khách quan khi nghiên cứu bất kỳ một hiện tượng, một quá trình lịch sử nào.

Nghiên cứu lịch sử Đảng đòi hỏi phải quán triệt quan điểm lịch sử cụ thể mới có thể xem xét các sự kiện lịch sử trong những điều kiện và thời điểm cụ thể và trong mối quan hệ giữa chúng với nhau. Việc nắm vững và vận dụng quan điểm lịch sử trong khoa học lịch sử Đảng cho phép lý giải được tính sáng tạo cách mạng trong đường lối, chủ trương của Đảng, cũng như làm rõ được cơ sở phương pháp luận của hoạt động lý luận của Đảng trong quá trình nghiên cứu để quyết định những đường lối, chủ trương.

Khoa học lịch sử Đảng sử dụng những phương pháp nghiên cứu cụ thể của khoa học lịch sử nói chung, như các phương pháp lịch sử và lôgích, đồng đại và lịch đại, phân tích và tổng hợp, quy nạp và diễn dịch, cụ thể hóa và trừu tượng hóa... trong đó quan trọng nhất là phương pháp lịch sử và phương pháp lôgích cùng sự kết hợp hai phương pháp ấy.

Nhiệm vụ đầu tiên của khoa học lịch sử Đảng là phải làm sáng tỏ nội dung các giai đoạn lịch sử đấu tranh của Đảng, với những sự kiện cụ thể sinh động và trong mối liên hệ có tính nhân quả giữa chúng với nhau, cho nên phương pháp được đặt lên hàng đầu trong khoa học lịch sử Đảng là phương pháp lịch sử.

Song nếu phương pháp lịch sử không có sự kết hợp với phương pháp lôgích thì sẽ giảm đi tính chất khái quát của nó, không thể vạch ra được bản chất, khuynh hướng chung và những quy luật khách quan chi phối sự vận động lịch sử.

Hoạt động của Đảng trong quá khứ cơ bản là hoạt động lãnh đạo, lên lịch sử của Đảng chính là lịch sử của sự lãnh đạo cách mạng, lịch sử của hoạt động nhận thức quy luật, đề ra đường lối, chủ trương cách mạng. Hoạt động đó đã được ghi lại, được thể hiện trong các cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, qua phát ngôn của các lãnh tụ của Đảng. Hoạt động xây dựng Đảng trong lịch sử về tư tưởng và tổ chức cũng được thể hiện qua Điều lệ của Đảng. Do đó, để nghiên cứu lịch sử của Đảng, phương pháp quan trọng có tính đặc thù, bắt buộc là phải nghiên cứu các văn kiện Đảng, nhất là văn kiện các Đại hội và Hội nghị Trung ương. Nắm vững nội dung các văn kiện Đảng sẽ hiểu được đường lối, chủ trương lãnh đạo cách mạng của Đảng trong các thời kỳ lịch sử, tức là nắm được hoạt động chính yếu của Đảng trong quá khứ, hiểu được lịch sử của Đảng.

Tính đúng đắn của sự lãnh đạo của Đảng đã được kiểm nghiệm qua hành động thực tiễn của cán bộ, đảng viên, qua hoạt động của hệ thống chính trị do Đảng tổ chức, qua phong trào cách mạng của quần chúng. Vì vậy, để đánh giá đúng đắn lịch sử của Đảng, rút ra những kinh nghiệm lịch sử phải căn cứ vào phong trào thực tiễn của nhân dân, vào thành bại của cách mạng.

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

Nghiên cứu, học tập, nắm vững tri thức khoa học về lịch sử Đảng có ý nghĩa rất to lớn trong việc giáo dục phẩm chất chính trị, lòng trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam, tính kiên định cách mạng trước tình hình chính trị quốc tế có những diễn biến phức tạp và trong việc giáo dục đạo đức cách mạng, mà Hồ Chí Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam là một mẫu mực tuyệt vời.

Việc nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng cũng có ý nghĩa to lớn trong việc giáo dục về truyền thống cách mạng, về chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chân chính, về lòng tự hào đối với Đảng và đối với dân tộc Việt Nam; đồng thời còn có tác dụng bồi dưỡng ý chí chiến đấu cách mạng, thôi thúc ở người học ý thức biết noi gương những người đã đi trước, tiếp tục cuộc chiến đấu dũng cảm ngoan cường, thông minh, sáng tạo

để bảo vệ và phát triển những thành quả cách mạng mà Đảng và nhân dân ta đã tốn biết bao xương máu để giành được, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

TaiLieu.vn

Chương I

Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam

I. Tình hình thế giới và Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

1. Tình hình thế giới

Từ nửa sau thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển nhanh từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền (giai đoạn đế quốc chủ nghĩa). Nền kinh tế hàng hóa phát triển mạnh, đặt ra yêu cầu bức thiết về thị trường. Đó chính là nguyên nhân sâu xa dẫn tới những cuộc chiến tranh xâm lược các quốc gia phong kiến phương Đông, biến các quốc gia này thành thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, mua bán nguyên vật liệu, khai thác sức lao động và xuất khẩu tư bản của các nước đế quốc. Đến năm 1914, các nước đế quốc Anh, Nga, Pháp, Đức, Mỹ, Nhật chiếm một khu vực thuộc địa rộng 65 triệu km² với số dân 523,4 triệu người (so với diện tích các nước đó là 16,5 triệu km² và dân số 437,2 triệu). Riêng diện tích các thuộc địa của Pháp là 10,6 triệu km² với số dân 55,5 triệu (so với diện tích nước Pháp là 0,5 triệu km² và dân số 39,6 triệu người)¹.

Chủ nghĩa đế quốc xuất khẩu tư bản, đầu tư khai thác thuộc địa đem lại lợi nhuận tối đa cho tư bản chính quốc, trước hết là tư bản lũng đoạn; làm cho quan hệ xã hội của các nước thuộc địa biến đổi một cách căn bản. Các nước thuộc địa bị lôi cuốn vào con đường tư bản thực dân. Sự áp bức và thôn tính dân tộc của chủ nghĩa đế quốc càng tăng thì mâu thuẫn giữa dân tộc thuộc địa thực dân càng gay gắt, sự phản ứng dân tộc của nhân dân các thuộc địa càng quyết liệt. Và chính bản thân chủ nghĩa đế quốc xâm lược, thống trị các thuộc địa lại tạo cho các dân tộc bị chinh phục những phương tiện và phương pháp để tự giải phóng. Sự thức tỉnh về ý thức dân tộc và phong trào đấu tranh dân tộc để tự giải phóng khỏi ách thực dân, lập lại các quốc gia dân tộc độc lập trên thế giới chịu tác động sâu sắc của chính sách xâm lược, thống trị của chủ nghĩa đế quốc thực dân.

Đầu thế kỷ XX, trên phạm vi quốc tế, sự thức tỉnh của các dân tộc châu á cùng với phong trào dân chủ tư sản ở Đông Âu bắt đầu từ Cách mạng 1905 ở Nga đã tạo thành một cao trào thức tỉnh của các dân tộc phương Đông. Hàng trăm triệu người hướng về một cuộc sống mới với ánh sáng tự do.

Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thành công. Đối với nước Nga, đó là cuộc cách mạng vô sản, nhưng đối với các dân tộc thuộc địa trong đế quốc Nga thì đó còn là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, bởi vì trước cách mạng "nước Nga là nhà tù của các dân tộc". Cuộc cách mạng vô sản ở nước Nga thành công, các dân tộc

1. Xem V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1980, t.27, tr. 478.

thuộc địa của đế quốc Nga được giải phóng và được hưởng quyền dân tộc tự quyết, kể cả quyền phân lập, hình thành nên các quốc gia độc lập và quyền liên hợp, dẫn đến sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xôviết (1922). Cách mạng Tháng Mười đã nêu tấm gương sáng về sự giải phóng dân tộc bị áp bức đã "mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc"¹. Nó làm cho phong trào cách mạng vô sản ở các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa phương Đông có quan hệ mật thiết với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng sản được thành lập. Tại Đại hội II của Quốc tế Cộng sản (1920), *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin được công bố. Luận cương nổi tiếng này đã chỉ ra phương hướng đấu tranh giải phóng các dân tộc bị áp bức. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga và sự ra đời của Quốc tế Cộng sản, nhiều đảng cộng sản trên thế giới đã được thành lập.

Tình hình thế giới đầy biến động đó đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến Việt Nam.

2. Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội Việt Nam

Trong trào lưu xâm lược thuộc địa của chủ nghĩa tư bản phương Tây, từ năm 1858 thực dân Pháp bắt đầu tiến công quân sự để chiếm Việt Nam. Sau khi đánh chiếm được nước ta, thực dân Pháp thiết lập bộ máy thống trị thực dân và tiến hành những cuộc khai thác nhằm cướp đoạt tài nguyên, bóc lột nhân công rẻ mạt và mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa.

Từ năm 1897, thực dân Pháp tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất và sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), chúng tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương với số vốn đầu tư trên quy mô lớn, tốc độ nhanh.

Do sự du nhập của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, tình hình kinh tế Việt Nam có sự biến đổi: quan hệ kinh tế nông thôn bị phá vỡ, hình thành nên những đô thị mới, những trung tâm kinh tế và tụ điểm cư dân mới. Nhưng thực dân Pháp không du nhập một cách hoàn chỉnh phương thức tư bản chủ nghĩa vào nước ta, mà vẫn duy trì quan hệ kinh tế phong kiến. Chúng kết hợp hai phương thức bóc lột tư bản và phong kiến để thu lợi nhuận siêu ngạch. Chính vì thế, nước Việt Nam không thể phát triển lên chủ nghĩa tư bản một cách bình thường được, nền kinh tế Việt Nam bị kìm hãm trong vòng lạc hậu và phụ thuộc nặng nề vào kinh tế Pháp.

Về chính trị, chúng tiếp tục thi hành chính sách chuyên chế với bộ máy đàn áp nặng nề. Mọi quyền hành đều tập trung vào tay các viên quan cai trị người Pháp, từ toàn quyền Đông Dương, thống đốc Nam Kỳ, khâm sứ Trung Kỳ, thống sứ Bắc Kỳ, công sứ các tỉnh, đến các bộ máy quân đội, cảnh sát, toà án...; biến vua quan Nam triều thành bù nhìn, tay sai. Chúng bóp nghẹt tự do, dân chủ, thẳng tay đàn áp, khủng bố, dìm các cuộc đấu tranh của dân ta trong biển máu. Chúng tiếp tục thi hành chính sách

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.8, tr. 562.

chia để trị rất thâm độc, chia nước ta làm ba kỳ, mỗi kỳ đặt một chế độ cai trị riêng và nhập ba kỳ đó với nước Lào và nước Campuchia để lập ra liên bang Đông Dương thuộc Pháp, xóa tên nước ta trên bản đồ thế giới. Chúng gây chia rẽ và thù hận giữa Bắc, Trung, Nam, giữa các tôn giáo, các dân tộc, các địa phương, thậm chí là giữa các dòng họ; giữa dân tộc Việt Nam với các dân tộc trên bán đảo Đông Dương.

Về văn hóa, chúng thi hành triệt để chính sách văn hóa nô dịch, gây tâm lý tự ti, vong bản, khuyến khích các hoạt động mê tín dị đoan, đồi phong bại tục. Mọi hoạt động yêu nước của nhân dân ta đều bị cấm đoán. Chúng tìm mọi cách bưng bít và ngăn chặn ảnh hưởng của nền văn hóa tiến bộ trên thế giới vào Việt Nam và thi hành chính sách ngu dân để dễ bề thống trị.

Các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ảnh hưởng mạnh mẽ đến tình hình xã hội Việt Nam. Sự phân hoá giai cấp diễn ra ngày càng sâu sắc hơn.

Giai cấp địa chủ phong kiến đã tồn tại hơn ngàn năm. Chủ nghĩa tư bản thực dân được đưa vào Việt Nam và trở thành yếu tố bao trùm, song vẫn không xóa bỏ mà vẫn bảo tồn và duy trì giai cấp địa chủ để làm cơ sở cho chế độ thuộc địa. Tuy nhiên, do chính sách kinh tế và chính trị phản động của thực dân Pháp, giai cấp địa chủ càng bị phân hóa thành ba bộ phận khá rõ rệt: tiểu, trung và đại địa chủ. Có một số địa chủ bị phá sản. Vốn sinh ra và lớn lên trong một quốc gia dân tộc có truyền thống yêu nước chống ngoại xâm, lại bị chính sách thống trị tàn bạo về chính trị, chèn ép về kinh tế, nên một bộ phận không nhỏ tiểu và trung địa chủ không chịu nổi nhục mất nước, có mâu thuẫn với đế quốc về quyền lợi dân tộc nên đã tham gia đấu tranh chống thực dân và bọn phản động tay sai.

Giai cấp nông dân chiếm khoảng 90% dân số. Họ bị đế quốc, phong kiến địa chủ và tư sản áp bức, bóc lột rất nặng nề. Ruộng đất của nông dân đã bị bọn tư bản thực dân chiếm đoạt. Chính sách độc quyền kinh tế, mua rẻ bán đắt, tô cao, thuế nặng, chế độ cho vay nặng lãi... của đế quốc và phong kiến đã đẩy nông dân vào con đường bán cùng hóa không lối thoát. Một số ít bán sức lao động, làm thuê trong các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền hoặc bị bắt đi làm phu tại các thuộc địa khác của đế quốc Pháp. Còn số đông vẫn phải gắn vào đồng ruộng và gánh chịu sự bóc lột vô cùng nặng nề ngay trên mảnh đất mà trước đây là sở hữu của chính họ.

Vì bị mất nước và mất ruộng đất nên nông dân có mâu thuẫn với đế quốc và phong kiến, đặc biệt sâu sắc nhất với đế quốc và bọn tay sai phản động. Họ vừa có yêu cầu độc lập dân tộc, lại vừa có yêu cầu ruộng đất, song yêu cầu về độc lập dân tộc là bức thiết nhất. Giai cấp nông dân có truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất là lực lượng to lớn nhất, một động lực cách mạng mạnh mẽ. Giai cấp nông dân khi được tổ chức lại và có sự lãnh đạo của một đội tiên phong cách mạng, sẽ phát huy vai trò cực kỳ quan trọng của mình trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc Việt Nam.

Giai cấp tư sản hình thành trong quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, tư sản Việt Nam mới chỉ là một tầng lớp nhỏ bé. Sau chiến tranh, tư sản Việt Nam đã hình thành giai cấp rõ rệt. Ra đời trong điều kiện bị

tư bản Pháp chèn ép, cạnh tranh rất gay gắt, nên số lượng tư sản Việt Nam không nhiều, thế lực kinh tế nhỏ bé, thế lực chính trị yếu đuối.

Trong quá trình phát triển, giai cấp tư sản Việt Nam phân thành hai bộ phận:

Tư sản mại bản là những tư sản lớn, hợp tác kinh doanh với đế quốc, bao thầu những công trình xây dựng của chúng ở nước ta. Nhiều tư sản mại bản có đồn điền lớn hoặc có nhiều ruộng đất cho phát canh, thu tô. Vì có quyền lợi kinh tế và chính trị gắn liền với đế quốc thực dân, nên tư sản mại bản là tầng lớp đối lập với dân tộc.

Tư sản dân tộc là bộ phận đông nhất trong giai cấp tư sản, bao gồm những tư sản loại vừa và nhỏ, thường hoạt động trong các ngành thương nghiệp, công nghiệp và cả tiểu thủ công nghiệp. Họ muốn phát triển chủ nghĩa tư bản của dân tộc Việt Nam, nhưng do chính sách độc quyền và chèn ép của tư bản Pháp nên không thể phát triển được. Xét về mặt quan hệ với đế quốc Pháp, tư sản dân tộc phải chịu số phận mất nước, có mâu thuẫn về quyền lợi với bọn đế quốc thực dân và phong kiến, nên họ có tinh thần chống đế quốc và phong kiến. Giai cấp tư sản dân tộc là một lực lượng cách mạng không thể thiếu trong phong trào cách mạng giải phóng dân tộc.

Giai cấp tiểu tư sản bao gồm nhiều bộ phận khác nhau: tiểu thương, tiểu chủ, thợ thủ công, viên chức, trí thức, học sinh, sinh viên và những người làm nghề tự do. Giữa những bộ phận đó có sự khác nhau về kinh tế và cách sinh hoạt, nhưng nhìn chung, địa vị kinh tế của họ rất bấp bênh, luôn luôn bị đe dọa phá sản, thất nghiệp. Họ có tinh thần yêu nước nồng nàn, lại bị đế quốc và phong kiến áp bức, bóc lột và khinh rẻ nên rất hăng hái cách mạng. Đặc biệt là tầng lớp trí thức là tầng lớp rất nhạy cảm với thời cuộc, dễ tiếp xúc với những tư tưởng tiên bộ và canh tân đất nước, tha thiết bảo vệ những giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc. Khi phong trào quần chúng công nông đã thức tỉnh, họ bước vào trận chiến đấu giải phóng dân tộc ngay một đông đảo và đóng một vai trò quan trọng trong phong trào đấu tranh của quần chúng, nhất là ở đô thị. Giai cấp tiểu tư sản là một lực lượng cách mạng quan trọng trong cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc.

Giai cấp công nhân là sản phẩm trực tiếp của chính sách khai thác thuộc địa của Pháp và nằm trong những mạch máu kinh tế quan trọng do chúng nắm giữ. Lớp công nhân đầu tiên xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX, khi thực dân Pháp xây dựng một số cơ sở công nghiệp và thành phố phục vụ cho việc xâm lược và bình định của chúng ở nước ta. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của đế quốc Pháp, giai cấp công nhân đã hình thành. Đến cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, giai cấp công nhân đã phát triển nhanh chóng về số lượng, từ 10 vạn (năm 1914) tăng lên hơn 22 vạn (năm 1929), trong đó có hơn 53.000 công nhân mỏ (60% là công nhân mỏ than), và 81.200 công nhân đồn điền.

Giai cấp công nhân Việt Nam tuy còn non trẻ, số lượng chỉ chiếm khoảng 1% số dân, trình độ học vấn, kỹ thuật thấp, nhưng sống khá tập trung tại các thành phố, các trung tâm công nghiệp và các đồn điền.

Giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm chung của giai cấp công nhân

quốc tế, đồng thời còn có những điểm riêng của mình như: phải chịu ba tầng lớp áp bức bóc lột (đế quốc, phong kiến và tư sản bản xứ); phần lớn vừa mới từ nông dân bị bán cùng hóa mà ra, nên có mối quan hệ gần gũi nhiều mặt với nông dân. Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc, nên nội bộ thuần nhất, không bị phân tán về lực lượng và sức mạnh. Sinh ra và lớn lên ở một đất nước có nhiều truyền thống văn hóa tốt đẹp, nhất là truyền thống yêu nước chống ngoại xâm, sớm tiếp thu được tinh hoa văn hóa tiên tiến trong trào lưu tư tưởng của thời đại cách mạng vô sản để bồi dưỡng bản chất cách mạng của mình.

Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội tiên tiến, đại diện cho phương thức sản xuất mới, tiến bộ, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, có tinh thần cách mạng triệt để, lại mang bản chất quốc tế. Họ là một động lực cách mạng mạnh mẽ và khi liên minh được với giai cấp nông dân và tiểu tư sản sẽ trở thành cơ sở vững chắc cho khối đại đoàn kết dân tộc trong cuộc đấu tranh vì độc lập tự do. Khi được tổ chức lại và hình thành được một đảng tiên phong cách mạng được vũ trang bằng một học thuyết cách mạng triệt để là chủ nghĩa Mác - Lênin thì giai cấp công nhân trở thành người lãnh đạo cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc.

Tóm lại, chính sách thống trị của thực dân Pháp đối với Việt Nam và cả Đông Dương nói chung là một chính sách thống trị chuyên chế về chính trị, bóc lột nặng nề về kinh tế nhằm đem lại lợi nhuận tối đa về kinh tế, kìm hãm và nô dịch về văn hóa, giáo dục, chứ không phải đem đến cho nhân dân một sự "khai hoá văn minh" - một sự khai hoá và cải tạo thực sự theo kiểu phương Tây. Bản chất của "sứ mạng khai hoá" đó chính là sự khai thác thuộc địa diễn ra dưới lưỡi lê, họng súng, máy chém, v.v.. Hồ Chí Minh từng nói về "nhà khai hoá" như sau: "Khi người ta đã là một nhà khai hoá thì người ta có thể làm những việc dã man mà vẫn cứ là người văn minh nhất"¹. Và nếu dân bản xứ không chịu nhục được, phải vùng lên, thì các nhà khai hoá "điều quân đội, súng liên thanh, súng cối và tàu chiến đến, người ta ra lệnh giới nghiêm. Người ta bắt bớ và bỏ tù hàng loạt. Đây! Công cuộc khai hoá nhân từ là như thế đấy!"².

Nước Việt Nam đã có những biến chuyển sâu sắc về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Việt Nam từ một xã hội phong kiến thuần túy đã biến thành một xã hội thuộc địa. Mặc dù thực dân còn duy trì một phần tính chất phong kiến, song khi đã thành thuộc địa thì tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và giai cấp ở Việt Nam đều bị đặt trong quỹ đạo chuyển động của xã hội đó.

Trong lòng chế độ thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam đã hình thành những mâu thuẫn đan xen nhau, song mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai phản động. Sự thống trị, áp bức và bóc lột càng tăng thì mâu thuẫn đó càng sâu sắc, sự phản kháng và đấu tranh vì sự tồn vong của dân tộc càng phát triển mạnh mẽ, gay gắt về tính chất, đa dạng về nội dung và hình thức. Trái lại, sự xung đột, đấu tranh về quyền lợi riêng của mỗi giai cấp trong nội bộ dân tộc được giảm thiểu và không quyết liệt như cuộc đấu tranh dân tộc. Hồ Chí Minh

1, 2. *Sđd*, 2002, t.2, tr. 56, 115.

đã vạch rõ vấn đề này từ năm 1924 rằng: "Cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây... Sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu. Điều đó, không thể chối cãi được"³.

II. Các phong trào yêu nước ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

1. Các phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản

Cuối thế kỷ XIX, mặc dù triều đình phong kiến nhà Nguyễn ký các Hiệp ước ácmăng (Harmand) năm 1883 và Patenôt (Patenôtre) năm 1884, đầu hàng thực dân Pháp, song phong trào chống thực dân Pháp xâm lược vẫn diễn ra. Phong trào *Cần Vương* (1885-1896), một phong trào đấu tranh vũ trang do Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết phát động, đã mở cuộc tiến công trại lính Pháp ở cạnh kinh thành Huế (1885). Việc không thành, Tôn Thất Thuyết đưa Hàm Nghi chạy ra Tân Sở (Quảng Trị), hạ chiếu *Cần Vương*. Mặc dù sau đó Hàm Nghi bị bắt, nhưng phong trào Cần Vương vẫn phát triển, nhất là ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa: *Ba Đình* của Phạm Bành và Đinh Công Tráng (1881-1887), *Bãi Sậy* của Nguyễn Thiện Thuật (1883-1892) và *Hương Khê* của Phan Đình Phùng (1885-1895). Cùng thời gian này còn nổ ra cuộc khởi nghĩa nông dân *Yên Thế* do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, kéo dài đến năm 1913.

Thất bại của phong trào Cần Vương chứng tỏ sự bất lực của hệ tư tưởng phong kiến trong việc giải quyết nhiệm vụ giành độc lập dân tộc do lịch sử đặt ra.

Đầu thế kỷ XX, Phan Bội Châu chủ trương dựa vào sự giúp đỡ bên ngoài, chủ yếu là Nhật Bản, để đánh Pháp giành độc lập dân tộc, thiết lập một nhà nước theo mô hình quân chủ lập hiến của Nhật. Ông lập ra Hội Duy tân (1904), tổ chức phong trào Đông Du (1906-1908). Chủ trương dựa vào đế quốc Nhật để chống đế quốc Pháp không thành, ông về Xiêm nằm chờ thời. Giữa lúc đó Cách mạng Tân Hợi bùng nổ và thắng lợi (1911). Ông về Trung Quốc lập ra Việt Nam Quang phục Hội (1912) với ý định tập hợp lực lượng rồi kéo quân về nước võ trang bạo động đánh Pháp, giải phóng dân tộc, nhưng rồi cũng không thành công.

Phan Châu Trinh chủ trương dùng những cải cách văn hóa, mở mang dân trí, nâng cao dân khí, phát triển kinh tế theo hướng tư bản chủ nghĩa trong khuôn khổ hợp pháp, làm cho dân giàu, nước mạnh, buộc thực dân Pháp phải trao trả độc lập cho nước Việt Nam. ở Bắc Kỳ, có việc mở trường học, giảng dạy và học tập theo những nội dung và phương pháp mới, tiêu biểu là trường Đông Kinh nghĩa thực Hà Nội. ở Trung Kỳ, có cuộc vận động Duy tân, hô hào thay đổi phong tục, nếp sống, kết hợp với phong trào đấu tranh chống thuế (1908).

Do những hạn chế về lịch sử, về giai cấp, nên Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh,

³. *Sđd*, 2002, t.1, tr. 464.

cũng như các sĩ phu cấp tiến lãnh đạo phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX không thể tìm được một phương hướng giải quyết chính xác cho cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc, nên chỉ sau một thời kỳ phát triển đã bị kẻ thù dập tắt.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất mặc dù còn nhiều hạn chế về số lượng, về thế lực kinh tế và chính trị, nhưng với tinh thần dân tộc, dân chủ, giai cấp tư sản Việt Nam đã bắt đầu vươn lên vũ đài đấu tranh với thực dân Pháp bằng một số cuộc đấu tranh cụ thể với những hình thức khác nhau.

- Năm 1919-1923, *Phong trào quốc gia cải lương* của bộ phận tư sản và địa chủ lớp trên đã diễn ra bằng việc vận động chấn hưng nội hoá bài trừ ngoại hoá; chống độc quyền thương cảng Sài Gòn; chống độc quyền khai thác lúa gạo ở Nam Kỳ; đòi thực dân Pháp phải mở rộng các viện dân biểu cho tư sản Việt Nam tham gia.

Năm 1923 xuất hiện *Đảng Lập hiến* của Bùi Quang Chiêu ở Sài Gòn, tập hợp tư sản và địa chủ lớp trên. Họ cũng đưa ra một số khẩu hiệu đòi tự do dân chủ để lôi kéo quần chúng. Nhưng khi bị thực dân Pháp đàn áp hoặc nhân nhượng cho một số quyền lợi thì họ lại đi vào con đường thỏa hiệp.

- Năm 1925-1926 đã diễn ra *Phong trào yêu nước dân chủ công khai* của tiểu tư sản thành thị và tư sản lớp dưới. Họ lập ra nhiều tổ chức chính trị như: *Việt Nam Nghĩa đoàn*, *Phục Việt* (1925), *Hưng Nam*, *Thanh niên cao vọng* (1926); thành lập nhiều nhà xuất bản như *Nam Đồng thư xã* (Hà Nội), *Cường học thư xã* (Sài Gòn), *Quan hải tùng thư* (Huế); ra nhiều báo chí tiến bộ như *Chuông rạn* (*La Cloche fêlée*), *Người nhà quê* (*Le Nhaque*), *An Nam trẻ* (*La jeune Annam*)... Có nhiều phong trào đấu tranh chính trị gây tiếng vang khá lớn như đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu (1925), lễ truy điệu và để tang Phan Châu Trinh, đấu tranh đòi thả nhà yêu nước Nguyễn An Ninh (1926). Cùng với phong trào đấu tranh chính trị, tiểu tư sản Việt Nam còn tiến hành một cuộc vận động văn hóa tiến bộ, tuyên truyền rộng rãi những tư tưởng tự do dân chủ. Tuy nhiên, càng về sau, cùng sự thay đổi của điều kiện lịch sử, phong trào trên đây ngày càng bị phân hoá mạnh. Có bộ phận đi sâu hơn nữa vào khuynh hướng chính trị tư sản (như Nam Đồng thư xã), có bộ phận chuyển dần sang quỹ đạo cách mạng vô sản (tiêu biểu là Phục Việt, Hưng Nam).

- Năm 1927-1930 *Phong trào cách mạng quốc gia tư sản* gắn liền với sự ra đời và hoạt động của Việt Nam Quốc dân Đảng (25-12-1927). Cội nguồn Đảng này là Nam Đồng thư xã, lãnh tụ là Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu và Phó Đức Chính. Đây là tổ chức chính trị tiêu biểu nhất của khuynh hướng tư sản ở Việt Nam, tập hợp các thành phần tư sản, tiểu tư sản, địa chủ và cả hạ sĩ quan Việt Nam trong quân đội Pháp.

Về tư tưởng, Việt Nam quốc dân Đảng mô phỏng theo chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn. Về chính trị, Việt Nam quốc dân Đảng chủ trương đánh đuổi đế quốc, xóa bỏ chế độ vua quan, thành lập dân quyền, nhưng chưa bao giờ có một đường lối chính trị cụ thể, rõ ràng. Về tổ chức, Việt Nam quốc dân Đảng chủ trương xây dựng các cấp từ Trung ương đến cơ sở, nhưng cũng chưa bao giờ có một hệ thống tổ chức

thống nhất.

Ngày 9-2-1929, một số đảng viên của Việt Nam Quốc dân Đảng ám sát tên trùm mộ phu Badanah (Bazin) tại Hà Nội. Thực dân Pháp điên cuồng khủng bố phong trào yêu nước. Việt Nam Quốc dân Đảng bị tổn thất nặng nề nhất. Trong tình thế hết sức bị động, các lãnh tụ của Đảng quyết định dốc toàn bộ lực lượng vào một trận chiến đấu cuối cùng với tư tưởng “không thành công cũng thành nhân”.

Ngày 9-2-1930, cuộc khởi nghĩa Yên Bái bùng nổ, trung tâm là thị xã Yên Bái với cuộc tiến công trại lính Pháp của quân khởi nghĩa. Ở một số địa phương như Thái Bình, Hải Dương... cũng có những hoạt động phối hợp.

Khởi nghĩa Yên Bái nổ ra khi chưa có thời cơ, vì thế nó nhanh chóng bị thực dân Pháp dập tắt trong biển máu. Các lãnh tụ của Việt Nam quốc dân Đảng cùng hàng ngàn chiến sĩ yêu nước bị bắt và bị kết án tử hình. Trước khi bước lên đoạn đầu đài họ hô vang khẩu hiệu "Việt Nam vạn tuế". Vai trò của Việt Nam Quốc dân Đảng trong phong trào dân tộc ở Việt Nam chấm dứt cùng với sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái.

Nhìn chung, các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam đã diễn ra liên tục, sôi nổi, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia với những hình thức đấu tranh phong phú, thể hiện ý thức dân tộc, tinh thần chống đế quốc của giai cấp tư sản Việt Nam, nhưng cuối cùng đều thất bại vì giai cấp tư sản Việt Nam rất nhỏ yếu cả về kinh tế và chính trị nên không đủ sức giương cao ngọn cờ lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Mặc dù thất bại nhưng các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản đã góp phần cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân ta, bồi đắp thêm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, đặc biệt góp phần thúc đẩy những nhà yêu nước, nhất là lớp thanh niên trí thức có khuynh hướng dân chủ tư sản chọn lựa một con đường mới, một giải pháp cứu nước, giải phóng dân tộc theo xu thế của thời đại và nhu cầu mới của nhân dân Việt Nam.

2. Nguyễn ái Quốc tìm đường giải phóng dân tộc và sự phát triển phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản

Trước yêu cầu cấp bách phải tìm một con đường cứu nước mới, bằng thiên tài trí tuệ và nhãn quan chính trị sắc bén, tháng 6-1911 Nguyễn ái Quốc đã lên đường sang các nước phương Tây, nơi có khoa học - kỹ thuật phát triển và những tư tưởng dân chủ tự do, xem họ làm như thế nào, để rồi trở về nước giúp đồng bào cời ách xiềng xích nô lệ.

Với tên gọi Văn Ba, Người đã qua nhiều quốc gia trên thế giới, nhất là các nước tư bản phát triển như Mỹ, Pháp, Anh. Người nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn cách mạng đã có trên thế giới như cách mạng Mỹ, cách mạng Pháp, đồng thời tham gia lao động và đấu tranh trong hàng ngũ giai cấp công nhân và nhân dân lao động thuộc đủ các màu da. Người nhận thấy các cuộc cách mạng tư sản Mỹ và Pháp "chưa đến nơi" vì quần chúng nhân dân vẫn đói khổ.

Vào cuối năm 1917, giữa lúc Chiến tranh thế giới thứ nhất sắp kết thúc, Người trở

lại nước Pháp. Tại đây, Người lao vào cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Pháp, tham gia Đảng Xã hội Pháp, lập ra *Hội những người Việt Nam yêu nước* với tờ báo *Việt Nam hồn* để tuyên truyền giáo dục Việt kiều ở Pháp. Trong những ngày hoạt động cách mạng sôi nổi đó, cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 bùng nổ làm chấn động toàn cầu. Với sự nhạy cảm chính trị đặc biệt, Người hướng đến ánh sáng của Cách mạng Tháng Mười và chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng của cuộc cách mạng vĩ đại đó.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, các nước đế quốc thắng trận họp Hội nghị Vécxay (1919) để phân chia quyền lợi. Thay mặt những người Việt Nam yêu nước sống ở Pháp, Người lấy tên là Nguyễn ái Quốc đưa đến Hội nghị này bản yêu sách đòi các quyền tự do, dân chủ và bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Bản yêu sách đó không được Hội nghị Vécxay chú ý đến, nhưng được báo chí tiến bộ Pháp công bố rộng rãi và gây ảnh hưởng chính trị vang dội. Đó là đòn tiến công trực diện đầu tiên của Nguyễn ái Quốc vào bọn trùm đế quốc. Kết luận quan trọng mà Nguyễn ái Quốc rút ra là: Những lời tuyên bố dân tộc tự quyết của bọn đế quốc chỉ là trò bịp bợm; các dân tộc bị áp bức muốn được độc lập tự do thực sự, trước hết phải dựa vào lực lượng của bản thân mình, phải tự mình giải phóng cho mình.

Sau Cách mạng Tháng Mười Nga, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế phát triển mạnh mẽ. Quốc tế Cộng sản do Lênin đứng đầu thành lập (1919) và tuyên bố kiên quyết ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông. Tháng 7-1920, Nguyễn ái Quốc được đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin. Bản Luận cương đó đã đáp ứng đúng nguyện vọng tha thiết mà Nguyễn ái Quốc đang ấp ủ: độc lập cho Tổ quốc, tự do cho đồng bào. Sau này Người viết: "Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!".

Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba"¹.

Cuộc hành trình dài ngày, qua nhiều đại dương và lục địa là một cuộc khảo sát vô cùng phong phú, đã đem lại cho Nguyễn ái Quốc một tình cảm cách mạng sâu sắc, một vốn tri thức lớn, làm cơ sở cho Người đi đến một khám phá, một sự lựa chọn chính xác con đường giải phóng dân tộc trong thời đại mới.

Tháng 12-1920, tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua (Tours) đã nảy ra cuộc tranh luận gay gắt về việc gia nhập Quốc tế thứ ba hay ở lại Quốc tế thứ hai. Nguyễn ái Quốc bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế thứ ba và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện đó đánh dấu bước ngoặt quyết định trong cuộc đời hoạt động của Người, từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản; mở đường giải quyết đúng đắn về đường lối giải phóng dân tộc của Việt Nam. Bằng thiên tài trí tuệ và hoạt động cách mạng của mình, Nguyễn ái Quốc đã kịp thời đáp ứng nhu cầu bức thiết của lịch sử. Vượt qua sự hạn chế về tư tưởng của các sĩ phu và của các nhà cách mạng có xu hướng tư sản đương

1. *Sđd*, 2002, t.10, tr. 127.

thời, Nguyễn ái Quốc đã đến với học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin và lựa chọn con đường cách mạng vô sản... Người nói: "*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*"¹.

Từ khi trở thành người cộng sản, cùng với việc thực hiện những nhiệm vụ đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Nguyễn ái Quốc xúc tiến mạnh mẽ việc nghiên cứu lý luận giải phóng dân tộc theo học thuyết cách mạng vô sản của chủ nghĩa Mác - Lênin để truyền bá vào nước ta, từng bước chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho việc thành lập chính đảng cộng sản ở Việt Nam.

Năm 1921, nhờ sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn ái Quốc cùng một số chiến sĩ cách mạng ở nhiều nước thuộc địa của Pháp lập ra *Hội liên hiệp thuộc địa* nhằm tập hợp tất cả những người ở thuộc địa sống trên đất Pháp đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Hội quyết định xuất bản tờ báo *Người cùng khổ* (Le Paria), do Nguyễn ái Quốc làm chủ nhiệm kiêm chủ bút...

Cuối năm 1921, tại Đại hội lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Pháp họp ở Mácxây, Nguyễn ái Quốc trình bày dự thảo nghị quyết về vấn đề "Chủ nghĩa cộng sản và các thuộc địa" và kiến nghị thành lập Ban Nghiên cứu thuộc địa trực thuộc ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Pháp. Kiến nghị đó được Đại hội chấp nhận. Năm 1922, Ban Nghiên cứu thuộc địa được thành lập, Nguyễn ái Quốc được cử làm trưởng tiểu ban nghiên cứu về vấn đề Đông Dương.

Nguyễn ái Quốc viết nhiều bài đăng trên các báo *Người cùng khổ* (Le Paria), *Nhân đạo* (L' Humanité) của Đảng Cộng sản Pháp, *Đời sống công nhân* (La Vie ouvrière) của Tổng Liên đoàn Lao động Pháp. Người viết tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (Le Procès de la colonisation Française) và được xuất bản lần đầu tiên ở Pari năm 1925. Bằng những dẫn chứng cụ thể, sinh động, tác phẩm đã tố cáo trước dư luận Pháp và thế giới những tội ác tày trời của bọn thực dân Pháp đối với các nước thuộc địa. "Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản; con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra"¹.

Chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù chung của giai cấp công nhân ở "chính quốc" và nhân dân lao động ở các thuộc địa. Cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản ở các nước "chính quốc" có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Phải thực hiện sự hợp tác chặt chẽ với nhau để chống kẻ thù chung, vì chỉ có sự hợp tác này mới bảo đảm cho giai cấp công nhân quốc tế giành được thắng lợi cuối cùng.

Nhân dân các dân tộc thuộc địa có khả năng cách mạng to lớn. Phải "làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một Liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là

1. *Sđd*, 2002, t.9, tr. 314.

1. *Sđd*, 2002, t.1, tr. 298.

một trong những cái cánh của cách mạng vô sản"².

Các dân tộc thuộc địa có sẵn trong bản thân mình một sức mạnh vô cùng to lớn. Khi hàng triệu quần chúng ở các nước thuộc địa đã hiểu được giá trị của đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế và quyết tâm vùng lên chiến đấu thì chủ nghĩa đế quốc nhất định bị đánh đổ.

Bản án chế độ thực dân Pháp đã vạch trần bản chất phản động của đế quốc Pháp đối với các nước thuộc địa, thức tỉnh tinh thần dân tộc, hướng nhân dân các nước thuộc địa tới con đường giải phóng dân tộc của thời đại cách mạng vô sản. Vận dụng công thức của C. Mác: Công cuộc giải phóng của anh em (thuộc địa) chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em, và góp phần vào việc thực hiện sự liên minh giữa giai cấp công nhân, nhân dân lao động Pháp với các dân tộc thuộc địa nhằm đánh đổ kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc Pháp.

Nhân dân ta, trước hết là những tiểu tư sản trí thức yêu nước, tiến bộ, nhờ tác phẩm đó và các bài viết khác của Nguyễn ái Quốc trong thời kỳ ấy mà hướng tới con đường cách mạng của Người để đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam.

Tháng 6-1923, Nguyễn ái Quốc rời Pháp đi Mátxcova để tham dự Hội nghị Quốc tế nông dân, đồng thời trực tiếp học tập nghiên cứu kinh nghiệm Cách mạng Tháng Mười và chủ nghĩa Lênin. Người viết nhiều bài cho báo *Sự thật* của Đảng Cộng sản Liên Xô và tạp chí *Thư tín quốc tế* của Quốc tế Cộng sản. Năm 1924, Người tham gia Đại hội V của Quốc tế Cộng sản và các đại hội của Quốc tế Công hội đỏ, Quốc tế Phụ nữ, Quốc tế Thanh niên, Quốc tế Cứu tế đỏ. Trong hai bản tham luận quan trọng đọc tại Hội nghị Quốc tế nông dân và Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn ái Quốc đã đề cập hai vấn đề lớn sau:

1. Tăng cường mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa.
2. Vấn đề nông dân ở các nước thuộc địa.

Người thẳng thắn phê bình một số đảng cộng sản ở các nước tư bản chủ nghĩa đã coi nhẹ vấn đề thuộc địa, chưa biết kết hợp phong trào cách mạng ở chính quốc và cách mạng ở các nước thuộc địa để thành lập một mặt trận đấu tranh chung. Đối với vấn đề nông dân, Người chỉ rõ rằng: Nông dân bị áp bức bóc lột nặng nề, nạn đói luôn luôn xảy ra, sự phẫn uất ngày càng lên cao. "Sự nổi dậy của nông dân bản xứ đã chín muồi. Trong nhiều nước thuộc địa, họ đã vài lần nổi dậy, nhưng lần nào cũng bị dìm trong máu. Nếu hiện nay nông dân vẫn còn ở trong tình trạng tiêu cực, thì nguyên nhân là vì họ còn thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo. Quốc tế Cộng sản cần phải giúp đỡ họ tổ chức lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng và giải phóng"¹.

2. *Sđd*, 2002, t.2, tr. 124.

1. *Sđd*, 2002, t.1, tr. 289.